Sao y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ; 13/07/2026; 08:00:40; +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3399/TTr-UBND	*Quảng Trị, ngày 12 tháng 7 năm 2026*

TỜ TRÌNH

Đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 162/2024/QH15 và được Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về nguyên tắc phân bổ vốn tại Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. *Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6; Điểm d, đ khoản 1 Điều 56; Điểm c khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 13 Nghị định 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn cụ thể cho các cấp ngân sách tại địa phương.*

Để triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cần có quy định cụ thể về việc phân bổ nguồn lực từ ngân sách trung ương hỗ trợ và xác định tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương. Việc ban hành Nghị quyết sẽ tạo hành lang pháp lý để các cấp, các ngành chủ động trong việc lập kế hoạch và triển khai các nội dung chương trình, trong đó tập trung vào các dự án bảo tồn, tôn tạo và tu bổ di sản văn hóa, xây dựng hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp phù hợp với đặc thù của tỉnh, từ căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Nhằm cụ thể hóa các quy định của Trung ương phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Quảng Trị, đảm bảo việc phân bổ vốn công khai, minh bạch và có trọng tâm, trọng điểm cho việc phân bổ vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm trên địa bàn tỉnh. Góp phần phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

- Đảm bảo nguồn lực tài chính được sử dụng đúng mục tiêu, hiệu quả, tránh chồng chéo với các chương trình mục tiêu quốc gia khác.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (*sau đây gọi là Chương trình).*

b) Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Ngoài phần căn cứ, thể thức văn bản theo quy định, dự thảo Nghị quyết gồm 07 điều (Có dự thảo Nghị quyết kèm theo).

3. Nội dung cơ bản

3.1. Quy định về Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026-2030, bảo đảm không vượt quá tổng vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung vào các nội dung cần ưu tiên thực hiện trước nhằm tạo đột phá trong phát triển văn hóa:

a) Các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết trong bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, phát triển con người toàn diện.

b) Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp và một số nhiệm vụ mà nhà nước cần đầu tư để dẫn dắt, định hướng, chi phối, tạo nền tảng để thu hút toàn xã hội tham gia phát triển văn hóa, đặc biệt là các nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa.

c) Các nhiệm vụ về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

d) Hỗ trợ các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) và nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan và phân cấp triệt để cho các cấp chính quyền địa phương.

3.2.Quy định về tiêu chí phân bổ vốn

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các địa phương theo đối tượng xã

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã

Xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III), đặc khu: Hệ số 6,0

Xã còn lại: Hệ số 4,0

Phường: Hệ số 2,0

Cơ sở đề xuất: *Thực hiện tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã, phường, đặc khu: Thực hiện theo điểm a khoản 1 điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.*

Việc xác định đối tượng xã theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thực hiện theo quy định tại:

- Quyết định số 104/QĐ-BDTTG ngày 27/02/2026 của Bộ Dân Tộc - Tôn giáo về công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030 đợt 2;

- Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 2556a/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về điều chỉnh danh sách xã khu vực I, II, III ban hành kèm theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 13/2/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt danh sách sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Tiêu chí, định mức phân bổ theo quy mô dân số.

Các xã, đặc khu có quy mô dân số dưới 10.000 người: Hệ số 0,2

Các xã, phường có quy mô dân số từ 10.000 người đến dưới 20.000 người: Hệ số 0,4

Các xã, phường có quy mô dân số từ 20.000 người đến dưới 30.000 người: Hệ số 0,7

Các xã, phường có quy mô dân số từ 30.000 người trở lên: Hệ số 1,0

Cơ sở đề xuất: *Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường, đặc khu theo quy mô dân số: Thực hiện theo điểm c khoản 1 điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.*

Quy mô dân số các xã xác định theo Nghị quyết số 246/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình thông qua chủ trương, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Bình năm 2025 và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị thông qua chủ trương, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025; Đề án số 365/ĐA-CP ngày 09/5/2025 của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị (mới) năm 2025.

** Cách tính hệ số điểm của từng xã theo quy mô dân số = Tổng dân số toàn xã/Tổng dân số toàn tỉnh* Hệ số điểm của tỉnh.*

Tổng hệ số 78 xã, phường, đặc khu được chia theo trung bình 04 nhóm xã bằng hệ số của tỉnh Quảng Trị theo quy định là 50.

Hệ số điểm tỉnh Quảng Trị căn cứ Điểm c, Khoản 1, Điều 5, Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg là: 50

c) Tiêu chí, định mức phân bổ theo quy mô diện tích

Các xã, phường, đặc khu có quy mô diện tích dưới 100km²: Hệ số 0,2

Các xã, phường có quy mô diện tích từ 100km² đến dưới 200km²: Hệ số 0,6

Các xã, phường có quy mô diện tích từ 200km² đến dưới 300km²: Hệ số 1,0

Các xã, phường có quy mô diện tích từ 300km² trở lên: Hệ số 2,45

Cơ sở đề xuất: *Tiêu chí, hệ số phân bổ các xã, phường, đặc khu theo quy mô diện tích: Thực hiện theo điểm d khoản 1 điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.*

Quy mô diện tích các xã theo Nghị quyết số 246/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình thông qua chủ trương, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Bình năm 2025 và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị thông qua chủ trương, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025; Đề án số 365/ĐA-CP ngày 09/5/2025 của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị (mới) năm 2025.

** Cách tính hệ số điểm của từng xã theo quy mô diện tích = Tổng diện tích toàn xã/Tổng diện tích toàn tỉnh* Hệ số điểm của tỉnh.*

Hệ số các xã, phường, đặc khu được tính là hệ số bình quân theo nhómđược quy định.

Tổng hệ số 78 xã, phường, đặc khu được chia theo trung bình 04 nhóm xã bằng hệ số của tỉnh Quảng Trị theo quy định là 50.

Hệ số điểm tỉnh Quảng Trị căn cứ Điểm d, Khoản 1, Điều 5, Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg là: 50

d) Tiêu chí, định mức phân bổ theo di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh

Di tích quốc gia đặc biệt: Hệ số 5,0

Di tích quốc gia: Hệ số 2,0

Cơ sở đề xuất: *Tiêu chí, định mức phân bổ theo di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh: Thực hiện theo điểm đ khoản 1 điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.*

Các tích hệ số các di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt: Căn cứ vào các Quyết định xếp hạng di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ tướng Chính phủ quyết định và cấp có thẩm quyền quyết định (Có phụ lục kèm theo).

2. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí để tính ra số điểm của từng địa phương và tổng số điểm của các địa phương làm căn cứ để phân bổ vốn, theo các công thức sau:

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã của địa phương thứ i là A_i.

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo quy mô dân số của địa phương thứ i là B_i.

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo quy mô diện tích của địa phương thứ i là C_i.

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của địa phương thứ i là D_i.

Tổng điểm của địa phương thứ i:

Gọi tổng số điểm của địa phương thứ i gọi là X_i:

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

Tổng số điểm của các địa phương:

Gọi tổng số điểm của n địa phương nhận hỗ trợ là Y:

$$Y = \sum_{i=1}^{n} Xi$$

b) Số vốn định mức cho một điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn ngân sách trung ương của Chương trình hỗ trợ cho ngân sách địa phương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương.

Gọi Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn của từng địa phương được tính theo công thức:

Gọi Vi là số vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương của địa phương thứ i:

$$V_i = Z \times X_i$$

3.3. Quy định về Định mức phân bổ vốn

1. Tổng số vốn phân bổ cho cấp xã được xác định bằng tổng số vốn còn lại sau khi phân bổ cho cấp tỉnh.

2. Đối với vốn đầu tư:

a) Tập trung đầu tư các dự án, công trình văn hóa, thiết chế văn hóa cấp tỉnh quan trọng, có sức lan tỏa, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của tỉnh; Ưu tiên tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, tỉnh Quảng Trị có 5 di tích quốc gia đặc biệt bao gồm 47 di tích thành phần; 71 di tích quốc gia bao gồm 133 di tích thành phần. Trong đó: Những di tích cần tu bổ, tôn tạo, phát huy năm 2026: Di tích Khu vực Sở chỉ huy cơ bản của Bộ Tư lệnh 559 ở Trường Ninh, Sở Chỉ huy cơ bản Bộ Tư lệnh Đoàn 559 bội đội Trường Sơn tại Gio Linh, Di tích Ngầm Khe Rinh, Bến phà Quán Hàu, Lũy Đào Duy Từ, Cảng cá Thanh Khê, Đình làng Hà Thượng, Bàu Tró, Chùa An Xá, Nhà tù Lao Bảo, Dinh Chúa Nguyễn...

b) Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Trung tâm văn hóa- Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa- Khu thể thao thôn, tổ dân phố...); điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em; bảo tồn làng, bản gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số tại cơ sở

Tập trung đầu tư công trình văn hóa, thiết chế văn hóa cấp tỉnh quan trọng, có sức lan tỏa, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của tỉnh, đã được tỉnh phê duyệt quy hoạch: Trong đó xây dựng mới Nhà hát Nghệ thuật tỉnh Quảng Trị, sửa chữa, nâng cấp Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh và Trung tâm văn hóa – Điện ảnh tỉnh. Các Trung tâm văn hóa- Thể thao xã, Nhà văn hóa- Khu thể thao thôn, thư viện công cộng cấp xã.

Theo dự kiến vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, tỉnh Quảng Trị đề xuất trung ương phân bổ là 2.746,210 triệu đồng, bao gồm vốn đầu tư, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp là 800,810 triệu đồng; Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc là 1.945,400 triệu đồng (Trong đó dự án xây dựng bảo tàng "Ký ức chiến tranh và Khát vọng hòa bình" với tổng vốn 1.000,000 triệu đồng).

3. Đối với vốn sự nghiệp: Hằng năm căn cứ vào hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình, Uỷ ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho các cấp (tỉnh, xã), các ngành trình cấp có thẩm quyền quyết định để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao.

Theo dự kiếm Thông báo vốn tại Công văn số 1919/BVHTTDL-KHTC ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về dự kiến chi thường xuyên ngân sách Trung ương thực hiện CTMTQG về phát triển văn hóa giai đoạn 2026-2030, tỉnh Quảng Trị được thông báo tổng vốn sự nghiệp là 671,802 triệu đồng. Trong đó nguồn vốn chủ yếu ưu tiên đầu tư cho cơ sở về nâng cao năng lực vận hành, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở (Trong đó: sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Trung tâm văn hóa- Thể thao xã, Nhà văn hóa- Khu thể thao thôn, thư viện công cộng cấp xã; chia sẻ tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện; mua sắm trang thiết bị chuyên dụng cho các thiết chế văn hóa; hỗ trợ kinh phí tổ chức các giải thể thao đối với thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, thôn; đầu tư, vận hành, hoạt động thư viện, thiết chế văn hóa, mạng lưới điểm vui chơi, giải trí tại cơ sở, hỗ trợ trang thiết bị hoạt động cho trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức truyền dạy văn hóa phi vật thể; chi hỗ trợ sữa chữa, duy tu, bảo

dưỡng, tôn tạo, tu sửa các di tích quốc gia, di tích tại xã, vùng an toàn khu....). Dự kiến vốn phân bổ cho cấp xã chiếm hơn 70% trong vốn sự nghiệp Trung ương giao cho tỉnh đồng thời các nội dung tỉnh thực hiện, chủ yếu phục vụ cho đối tượng thụ hưởng là cấp xã.

4. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.

- 3.4.Quy định về tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Hằng năm, ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.

Cơ sở đề xuất: Qua rà soát tỷ lệ bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương thì tỉnh Quảng Trị nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương là 42%. Theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTG ngày 10/11/2025 quy định: "Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 40% đến dưới 60%: Hằng năm, ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 20% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương".

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Nguồn lực thực hiện: Sử dụng từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ và nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định, nguồn vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Dự kiến thời gian trình thông qua Nghị quyết

Đề nghị HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: VH,TT&DL, Tài chính, Tư pháp;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Tân

Phụ lục I

CƠ SỞ TÍNH HỆ SỐ PHÂN BỔ CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU THEO TIÊU CHÍ QUY MÔ DÂN SỐ

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 3399/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Xã, phường, đặc khu	Dân số/người theo Quy mô diện tích các xã theo Nghị quyết số 246/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình thông qua chủ trương, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Bình năm 2025 và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị	Hệ số điểm ứng với số dân Nghị quyết số 246/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình thông qua chủ trương, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Bình năm 2025 và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị	Hệ số điểm trung bình theo nhóm
1	Phường Đồng Hới	84,196	2.25	1,0
2	Phường Nam Đông Hà	61,204	1.63	
3	Phường Đông Hà	50,915	1.4	
4	Phường Đồng Thuận	38,521	1.0	
5	Xã Bắc Trạch	36,861	1.0	
6	Xã Hoàn Lão	43,554	1.2	
7	Xã Lệ Thuỷ	49,460	1.3	
8	Xã Nam Gianh	36,527	1.0	
9	Xã Phong Nha	39,254	1.0	
10	Xã Quảng Ninh	36,210	1.0	
11	Xã Trường Ninh	35,614	1.0	
12	Phường Ba Đồn	28,805	0.8	
13	Phường Bắc Gianh	32,800	0.9	
14	Phường Đồng Sơn	32,396	0.9	
15	Xã Đông Trạch	34,174	0.9	
16	Xã Gio Linh	31,738	0.8	
17	Xã Nam Trạch	32,594	0.9	
18	Xã Ninh Châu	30,098	0.8	
19	Xã Phú Trạch	30,850	0.8	
20	Xã Quảng Trạch	31,422	0.8	
21	Xã Bố Trạch	33,230	0.9	
22	Xã Cam Lộ	30,111	0.8	
23	Xã Cam Hồng	26,663	0.7	
24	Xã Cồn Tiên	20,907	0.6	
25	Phường Quảng Trị	29,705	0.7	

26	Xã Cửa Tùng	29,389	0.7	
27	Xã Cửa Việt	27,143	0.7	
28	Xã Diên Sanh	25,133	0.7	
29	Xã Đồng Lê	24,533	0.7	
30	Xã Hiếu Giang	29,661	0.7	
31	Xã Hoà Trạch	29,901	0.7	
32	Xã Khe Sanh	27,615	0.7	
33	Xã Lao Bảo	23,459	0.6	
34	Xã Lệ Ninh	23,499	0.6	
35	Xã Minh Hoá	21,481	0.6	
36	Xã Nam Ba Đồn	27,643	0.7	
37	Xã Nam Cửa Việt	26,619	0.7	**0,7**
38	Xã Nam Hải Lăng	25,536	0.6	
39	Xã Sen Ngư	21,158	0.6	
40	Xã Tân Gianh	22,395	0.6	
41	Xã Tân Mỹ	26,644	0.7	
42	Xã Tuyên Hoá	21,452	0.6	
43	Xã Triệu Bình	27,169	0.7	
44	Xã Triệu Cơ	21,976	0.6	
45	Xã Triệu Phong	23,534	0.6	
46	Xã Trường Phú	21,206	0.6	
47	Xã Vĩnh Định	26,737	0.7	
48	Xã Vĩnh Linh	27,527	0.7	
49	Xã Vĩnh Thủy	20,747	0,7	
50	Xã Tuyên Phú	18,800	0.5	
51	Xã Mỹ Thủy	17,171	0.5	
52	Xã Kim Phú	19,054	0.5	
53	Xã Ái Tử	19,061	0.5	
54	Xã Vĩnh Hoàng	19,021	0.5	
55	Xã A Dơi	11,058	0.3	
56	Xã Bến Hải	16,052	0.4	
57	Xã Đakrông	14,627	0.4	
58	Xã Hải Lăng	16,589	0.4	**0,4**
59	Xã Hướng Hiệp	13,454	0.4	
60	Xã Hướng Phùng	12,029	0.3	
61	Xã Tà Rụt	10,639	0.3	
62	Xã Trung Thuần	16,331	0.4	
63	Xã Lìa	14,375	0.4	
64	Xã Tân Lập	14,418	0.4	
65	Xã Tuyên Bình	15,619	0.4	
66	Đặc khu Cồn Cỏ	139	0.003	
67	Xã Ba Lòng	5,151	0.1	

68	Xã Bến Quan	9,447	0.2	**0,2**
69	Xã Dân Hoá	8,532	0.2	
70	Xã Hướng Lập	3,539	0.09	
71	Xã Kim Điền	6,165	0.2	
72	Xã Kim Ngân	9,776	0.2	
73	Xã La Lay	8,121	0.2	
74	Xã Tân Thành	5,513	0.1	
75	Xã Tuyên Sơn	6,738	0.2	
76	Xã Thượng Trạch	3,615	0.09	
77	Xã Tuyên Lâm	8,401	0.2	
78	Xã Trường Sơn	8,484	0.2	
	Tổng	**1.870.845**		

Phụ lục II

CƠ SỞ TÍNH HỆ SỐ PHÂN BỔ CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU THEO TIÊU CHÍ DIỆN TÍCH

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 3399/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Xã,phường, đặc khu	Diện tích/km2 theo Quy mô diện tích các xã theo Nghị quyết số 246/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình thông qua chủ trương, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Bình năm 2025 và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị	Hệ số điểm ứng với diện tích thực tế tại các xã, phường, đặc khu theo Nghị quyết số 246/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình thông qua chủ trương, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Bình năm 2025 và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị	Hệ số điểm trung bình theo nhóm
1	Xã Thượng Trạch	1095.78	4.3	**2,45**
2	Xã Trường Sơn	935.96	3.7	
3	Xã Kim Ngân	881.06	3.5	
4	Xã Kim Phú	552.57	2.1	
5	Xã Hướng Phùng	447.59	1.8	
6	Xã Dân Hóa	365.00	1.4	
7	Xã Đakrông	359.29	1.4	
8	Xã Phong Nha	358.10	1.4	
9	Xã Bố Trạch	299.42	1.1	**1,0**
10	Xã Đồng Lê	291.93	1.1	
11	Xã Bến Quan	278.99	1.0	
12	Xã Tà Rụt	273.15	1.0	
13	Xã Cồn Tiên	268.58	1.0	
14	Xã Tuyên Lâm	235.20	0.9	
15	Xã Kim Điền	229.42	0.9	
16	Xã Hướng Lập	219.64	0.9	
17	Xã Ba Lòng	210.58	0.9	
18	Xã Phú Trạch	197.41	0.8	**0,6**
19	Xã Tuyên Hóa	194.92	0.8	
20	Xã Hướng Hiệp	185.61	0.7	
21	Xã Cam Lộ	166.85	0.7	
22	Xã Hiếu Giang	177.36	0.7	
23	Xã La Lay	156.21	0.6	

24	Xã Nam Trạch	129.83	0.5	
25	Xã Quảng Ninh	100.27	0.5	
26	Xã Minh Hóa	156.97	0.6	
27	Xã Tuyên Sơn	132.14	0.5	
28	Xã Tuyên Phú	155.38	0.6	
29	Xã Tuyên Bình	119.19	0.5	
30	Xã Sen Ngư	120.84	0.5	
31	Xã Tân Mỹ	102.57	0.5	
32	Xã Vĩnh Thủy	103.74	0.5	
33	Xã Khe Sanh	134.81	0.5	
34	Xã Hải Lăng	116.89	0.5	
35	Xã Nam Hải Lăng	114.84	0.5	
36	Xã Ái Tử	116.74	0.5	
37	Xã A Dơi	112.41	0.5	
38	Xã Tân Gianh	41.05	0.2	**0,2**
39	Xã Trung Thuần	98.83	0.4	
40	Xã Quảng Trạch	56.64	0.2	
41	Xã Hòa Trạch	52.67	0.2	
42	Xã Nam Gianh	34.43	0.1	
43	Xã Nam Ba Đồn	76.30	0.3	
44	Xã Bắc Trạch	97.61	0.4	
45	Xã Đông Trạch	35.73	0.1	
46	Xã Hoàn Lão	99.03	0.4	
47	Xã Ninh Châu	86.03	0.3	
48	Xã Trường Ninh	71.92	0.3	
49	Xã Lệ Thủy	55.93	0.3	
50	Xã Cam Hồng	87.89	0.3	
51	Xã Trường Phú	97.18	0.4	
52	Xã Lệ Ninh	56.32	0.2	
53	Xã Vĩnh Linh	90.37	0.4	
54	Xã Cửa Tùng	59.83	0.2	
55	Xã Vĩnh Hoàng	87.06	0.3	
56	Xã Cửa Việt	50.83	0.2	
57	Xã Gio Linh	97.70	0.4	
58	Xã Bến Hải	54.77	0.2	
59	Xã Tân Lập	83.18	0.3	
60	Xã Lao Bảo	83.04	0.3	

61	Xã Lìa	71.69	0.3	
62	Xã Triệu Phong	80.79	0.3	
63	Xã Triệu Bình	37.20	0.1	
64	Xã Triệu Cơ	44.54	0.2	
65	Xã Nam Cửa Việt	74.12	0.3	
66	Xã Diên Sanh	87.97	0.3	
67	Xã Mỹ Thủy	43.82	0.2	
68	Xã Vĩnh Định	63.85	0.3	
69	Phường Đồng Hới	41.35	0.2	
70	Phường Đồng Thuận	26.49	0.1	
71	Phường Đồng Sơn	88.03	0.3	
72	Phường Ba Đồn	20.45	0.08	
73	Phường Bắc Gianh	31.14	0.1	
74	Phường Đông Hà	38.04	0.1	
75	Phường Nam Đông Hà	35.04	0.1	
76	Phường Quảng Trị	72.82	0.3	
77	Đặc Khu Cồn Cỏ	2.30	0.009	
78	Xã Tân Thành	89.77	0.4	
	Tổng	**12.699,99km2**		

Phụ lục III

DANH SÁCH DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT, DI TÍCH QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 3399/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM	SỐ QUYẾT ĐỊNH	LOẠI HÌNH
I	**DANH SÁCH DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT**			
1	**Đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh gồm 25 điểm di tích thành phần:**		Quyết định 1820/QĐ-TTg, ngày 24/12/2018 và Quyết định 2383/QĐ-TTg, ngày 09/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ	Lịch sử
1.1	Chỉ huy Sở Bộ Tư lệnh 559 – Bộ đội Trường Sơn tại hang Hóa Tiến.	Xã Tân Thành		
1.2	Ngầm Khe Rinh	Xã Kim Phú		
1.3	Đèo Đá Đẽo	Xã Kim Phú		
1.4	Cầu Ka Tang	Xã Tuyên Lâm		
1.5	Bến phà Gianh (4 bến phà)	P.Bắc Gianh và xã Bắc Trạch		
	- Bờ Nam bến phà I	xã Bắc Trạch		
	- Bờ Bắc bến phà I	Phường Bắc Gianh		
	- Bờ Nam bến phà II	xã Bắc Trạch		
	- Bờ Bắc bến phà II	Phường Bắc Gianh		
1.6	Bến phà Xuân Sơn (2 bến)	xã Phong Nha		
	- Bến bờ Bắc			
	- Bến bờ Nam			
1.7	Hang Thông tin (Km4- Đường 20)			
1.8	Dốc Ba Thang- Đường 20 Quyết Thắng	Xã Thượng Trạch		
1.9	Hang NH (Tổng kho NH)			
1.10	Hang Tám Thanh niên xung phong (Hang Tám Cô)			
1.11	Bến Phà Long Đại (2 bến)	Xã Trường Ninh		
	- Bến bờ Bắc			
	- Bến bờ Nam			
1.12	Km0- Đường 10			

1.13	Chỉ huy Sở cơ bản Bộ Tư lệnh 559- Bộ đội Trường Sơn tại Hiền Ninh			
	- Hội trường Bộ Tư lệnh			
	- Nhà thờ họ Nguyễn *- Nhà thờ họ Trương*			
	- Nhà thờ họ Lê			
	- Phòng khách Bộ Tư lệnh 559			
1.14	Ngã Tư Thạch Bàn	Xã Trường Phú		
1.15	Làng Ho	Xã Kim Ngân		
1.16	Khe Hó	Xã Bến Quan		
1.17	Cầu treo Bến Tắt	Xã Cồn Tiên		
1.18	Nghĩa trang Liệt sỹ Quốc gia Trường Sơn	Xã Cồn Tiên		
1.19	Chỉ huy sở cơ bản Bộ Tư lệnh Đoàn 559 - Bộ đội Trường Sơn tại Gio Linh			
	- Nhà làm việc Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên	Xã Cồn Tiên		
	- Bệnh viện Bộ Tư lệnh 559	Xã Bến Hải		
1.20	Cầu treo ĐắkRông	Xã ĐakRông		
1.21	Cảng Đông Hà	Phường Nam Đông hà		
1.22	Cổng Trời	Xã Dân Hoá		
1.23	Đồi Cha Quang			
1.24	Ngầm Cà Roòng	Xã Thượng Trạch		
1.25	Bến thuyền làng Mai Xá	Xã Cửa Việt		
2	**Đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải, gồm 06 điểm di tích thành phần**			
2.1	Khu vực đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải	Bờ Nam thuộc xã Bến Hải; Bờ Bắc thuộc xã Cửa Tùng		
2.2	Đồn Công an Cửa Tùng	Xã Cửa Tùng		
2.3	Bến đò Cửa Tùng (Bến đò A)			
2.4	Bến đò Tùng Luật (Bến đò B)			

2.5	Bến đò Luỹ (Bến đò C)			
2.6	Bến đò Thượng Đông và Dục Đức	Xã Vĩnh Thủy		
3	**Thành cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972, gồm 07 điểm di tích thành phần:**			
3.1	Thành cổ Quảng Trị	Phường Quảng Trị		
3.2	Nhà thờ Tri Bưu			
3.3	Bến sông Thạch Hãn			
3.4	Trường Bồ Đề			
3.5	Ngã ba và Nhà thờ Long Hưng	Xã Hải Lăng		
3.6	Chốt Ngô Xá Tây	Xã Triệu Cơ		
3.7	Chốt Long Quang	Xã Nam Cửa Việt		
4	**Địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh, gồm 08 điểm di tích thành phần:**		Quyết định số 2408/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ	Lịch sử - Kiến trúc nghệ thuật
4.1	Địa đạo Vịnh Mốc	Xã Cửa Tùng		
4.2	Địa đạo Hương Nam			
4.3	Địa đạo Troong Môn - Cửa Hang			
4.4	Địa đạo Thôn Roọc và các địa đạo Hải quân			
4.5	Địa đạo Mũi Si			
4.6	Địa đạo 61			
4.7	Địa đạo Hải quân	Xã Vĩnh Hoàng		
4.8	Hệ thống địa đạo Hiền Dũng			
5	**Vườn Quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng**	Xã: Dân Hóa, Kim Điền, Kim Phú, Thượng Trạch, Phong Nha, Bố Trạch, Trường Sơn	Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 12/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ	
II	**DI TÍCH CẤP QUỐC GIA**			
1	Khu vực Sân bay Tà Cơn	Xã Khe Sanh		
2	Căn cứ Cồn Tiên - Dốc Miếu	Xã Gio Linh và Cồn Tiên		
3	Hang động Hoá Thanh làm kho hang và kho xăng dầu	Xã Tân Thành		

4	Khu vực Bãi Dinh và khu vực Đồi 37, hang Dơi, Hang Tiên, Cha Lo, trên đường 12A, huyện Tuyên Hóa (gồm các 05 di tích thành phần)	Xã Dân Hoá	236/VH-QĐ, ngày 12/12/1986	Lịch sử (ĐTS)
	- Cha Lo			
	- Khu vực Đồi 37 (Trận địa Nguyễn Viết Xuân)			
	- Bãi Dinh			
	- La Trọng			
	- Khe Ve	Xã Tân Thành		
5	Các địa điểm vượt Đường 9 của đường dây Thống nhất và tuyến 559 (gồm 03 di tích thành phần)	Xã Đakrông		
	- Cầu Khe Xom			
	- Cầu Ku Tiền			
	- Cầu Xom Rò			
6	Trạm Thông tin A72	Xã Kim Ngân		
7	Động Phong Nha	Xã Phong Nha		
8	Một số khu vực trên Đường 20- Quyết Thắng (gồm 03 di tích thành phần)	Xã Phong Nha		
	- Km0- Đường 20	Xã Phong Nha		
	- Trọng điểm Trạ Ang	Xã Thượng Trạch		
	- Sân bay Khe Gát	Xã Phong Nha		
9	Hang Lèn Hà	Xã Tuyên Lâm	1732/QĐ-BVHTTDL,ngày 07/5/2009	
10	Đường 16: Nước suối khoáng Bang	Xã Kim Ngân		
11	Đường 20: Hang Y Tá	Xã Thượng Trạch		
12	Mộ và Nhà thờ Đề Đốc Lê Trực	Xã Tuyên Hoá	774/QĐ-BT, ngày 21/6/1993	Lịch sử
13	Làng chiến đấu Cảnh Dương	Xã Hoà Trạch	774 QĐ/BT, ngày 21/6/1993	Lịch sử
14	Đình Đông Dương	Xã Quảng Trạch	983/QĐ-BT, ngày 4/8/1992	Lịch sử
15	Chiến khu Trung Thuần	Xã Trung Thuần	2233 QĐ/BT, ngày 26/6/1995	Lịch sử
16	Mộ Mai Lượng (gồm 02 di tích thành phần)	Phường Nam Ba Đồn	95-1998/QĐ-BT, ngày24/01/1998	Lịch sử
	- Mộ Mai Lượng			
	- Nhà Thờ Mai Lượng			
17	Đình Minh Lệ	Xã Nam Gianh	1430/QĐ-BT, ngày12/10/1993	Lịch sử
18	Điện Thành Hoàng Vĩnh Lộc	Xã Nam Gianh	1568/QĐ-BT, ngày20/4/1995	Lịch sử
19	Đình Phù Trịch	Xã Nam Gianh	310 QĐ/BT, ngày13/02/1996	Lịch sử
20	Đình Hòa Ninh	Xã Nam Gianh	1430 QĐ/BT, ngày 12/10/1993	Lịch sử
21	Đình Lũ Phong	Phường Ba Đồn	95-1998 QĐ/BT, ngày 24/01/1998	Lịch sử
22	Đình Tượng Sơn và lăng mộ Nguyễn Dụng (gồm 02 di tích thành phần)	Phường Ba Đồn		

	- Đình Tượng Sơn *- Lăng mộ Nguyễn Dụng*		62/2003/QĐ-BVHTT ngày 27/11/2003	Lịch sử
23	Cảng cá Thanh Khê (điểm xuất phát chuyến tàu biển chở vũ khí chi viện miền Nam đêm 27/1/1960)	Xã Bắc Trạch	1733/QĐ-BVHTTDL, ngày 7/5/2009	Lịch sử
24	Khu danh thắng Lý Hoà	Xã Đông Trạch và Bắc Trạch	3959 VH/QĐ, ngày 02/12/1992	Danh thắng
25	Đình Lý Hoà	Xã Đông Trạch	3959 VH/QĐ, ngày 02/12/1992	Lịch sử
26	Nhà thờ Nguyễn Văn Nại, Nguyễn Văn Duyệt, Nguyễn Duy Cần	Xã Đông Trạch	38/QĐ-BVHTTDL, ngày 07/01/2020	Lịch sử
27	Ga Kẻ Rấy	Xã Hoàn Lão	51/2001/QĐ, ngày 27/12/2001	Lịch sử
28	Đường Ba Trại- Ngã ba Thọ Lộc	Xã Bố Trạch	1732/QĐ-BVHTTDL, ngày 07/5/2009.	Lịch sử
29	Làng chiến đấu Cự Nẫm	Xã Bố Trạch	921QĐ/BT, ngày 20/7/1994	Lịch sử
30	Lăng mộ Hồ Hồng (Hồ Cưỡng)	Xã Nam Trạch	490VH/QĐ, ngày 21/4/1992	Lịch sử
31	Những địa điểm lưu niệm Bác Hồ về thăm Quảng Bình, tháng 6/1957 (gồm 05 di tích thành phần)		983/QĐ-BVH, ngày 04/8/1992	Lịch sử
	- Địa điểm Sân bay Đồng Hới	Phường Đồng Thuận		
	- Nhà nghỉ sư đoàn 325 *- Bãi tắm Nhật Lệ,* *- Sân bóng đá (Bác Hồ thăm hỏi và nói chuyện với Đảng Bộ và nhân dân Quảng Bình, nay là Quảng trường Hồ Chí Minh).* *- Nhà Bảo tàng: Nơi Bác thăm và làm việc*	Phường Đồng Hới		
32	Trận địa Pháo Lão quân Đức Ninh	Phường Đồng Hới	1568QĐ/BT, ngày 20/4/1995	Lịch sử
33	Khu Giao Tế Quảng Bình	Phường Đồng Hới	3518/1998-QĐ, ngày 04/12/1998	Lịch sử
34	Quảng Bình Quan	Phường Đồng Hới	97/QĐ-BVH, ngày, 21/01/1992	Lịch sử
35	Khảo cổ Bàu Tró	Phường Đồng Hới	97/QĐ-BVH, ngày, 21/01/1992	Khảo cổ
36	Cửa Nhật Lệ (2 bờ)	Phường Đồng Hới	97/QĐ-BVH, ngày, 21/01/1992	Danh thắng
37	Bến đò Mẹ Suốt (gồm 02 di tích thành phần)	Phường Đồng Hới	97/QĐ-BVH, ngày 21/01/1992	Lịch sử

	- Bến đò Cự Hà	Phường Đồng Hới		
	- Bến đò Mẹ Suốt	Phường Đồng Hới		
38	Thành Đồng Hới	Phường Đồng Hới	97/QĐ-BVH, ngày, 21/01/1992	Lịch sử - Kiến trúc
39	Luỹ Đào Duy Từ (gồm 04 di tích thành phần)		97/QĐ-BVH, ngày, 21/01/1992	Lịch sử
	- Lũy Nhật Lệ	Phường Đồng Hới		
	- Lũy Sa Phụ	Phường Đồng Hới		
	- Luỹ Đầu Mâu – Võ Thắng Quan	Xã Quảng Ninh		
	- Luỹ Trường Dục	Xã Trường Ninh		
40	Nhà Nhóm thôn Trung	Xã Quảng Ninh	43-VH/QĐ, ngày 7-01-1993	Lịch sử
41	Bến phà Quán Hàu (gồm 02 di tích thành phần)	Xã Quảng Ninh	62/2003/QĐ-BVHTT, ngày 27/11/2003	Lịch sử
	- Bờ Bắc Bến phà Quán Hàu			
	- Bờ Nam Bến phà Quán Hàu			
42	Lăng mộ Hữu quân Đô thống Chưởng phụ sự Lê Sĩ	Xã Quảng Ninh	41/2005/QĐ-BVHTT, ngày 22/8/ 2005	Lịch sử
43	Mộ và Nhà thờ Võ Xuân Cẩn (gồm 02 di tích thành phần)	Xã Cam Hồng-Tân Mỹ	3232/BVHTTDL, ngày 04/11/2020	Lịch sử
	- Mộ Võ Xuân Cẩn	Xã Tân Mỹ-		
	- Nhà thờ Võ Xuân Cẩn	Xã Cam Hồng		
44	Chùa An Xá	Xã Lệ Thuỷ	3959/VH-QĐ, ngày 02/12/1992	Lịch sử-văn hóa
45	Chiến thắng Xuân Bồ	Xã Lệ Thuỷ	51QĐ/BT, ngày 12/01/199.	Lịch sử
46	Lăng mộ và miếu thờ Hoàng Hối Khanh: Địa điểm Miếu thờ (gồm 02 di tích thành phần)	Xã Lệ Thuỷ-Trường Phú	1422-1998-QĐ, ngày 23/7/1998	Lịch sử
	- Lăng mộ Hoàng Hối Khanh	Xã Trường Phú		
	- Miếu thờ Hoàng Hối Khanh	Xã Lệ Thuỷ		
47	Lăng mộ Nguyễn Hữu Cảnh	Xã Trường Phú	95-1998-QĐ/BT, ngày 24/01/1998	Lịch sử
48	Miếu Thành Hoàng Mỹ Thổ-Trung Lực	Xã Tân Mỹ	3959/VH-QĐ, ngày 02/12/1992	Lịch sử
49	Vụ thảm sát Mỹ Trạch	Xã Tân Mỹ	51/2001/QĐ, ngày 27/12/2001 .	Lịch sử
50	Chùa Hoằng Phúc	Xã Tân Mỹ	4248/BVHTTDL, ngày 9/12/2015	Lịch sử
51	Trận địa Đại đội nữ dân quân Ngư Thủy	Sen Ngư	51/2001/QĐ, ngày 27/12/2001	Lịch sử
52	Địa điểm trận địa tên lửa bắn rơi máy bay B52 đầu tiên ở Việt Nam	Xã Bến Quan	3998/QĐ-BVHTTDL ngày 10/11 /2010	Lịch sử
53	Hệ thống khai thác và xử lý nước (gồm 14 giếng cổ)	Xã Cồn Tiên	08/2001/QĐ-BVHTT ngày 13/3/2001	Kiến trúc
	- Giếng Máng			

	- Giếng Côi			nghệ thuật
	- Giếng Gai 1			
	- Giếng Gai 2			
	- Giếng Dưới			
	- Giếng Pheo			
	- Giếng Nậy			
	- Giếng Búng			
	- Giếng Trạng			
	- Giếng Đào			
	- Giếng Tép			
	- Giếng Bà			
	- Giếng Ông			
	- Giếng Gái			
54	Đình Hà Thượng	Xã Gio Linh	154-QĐ ngày 25/01/1991	Kiến trúc nghệ thuật
55	Chùa Bảo Đông và Lăng mộ Trần Đình Ân (gồm 02 di tích thành phần)	Xã Gio Linh	2009/QĐ ngày 15/11/1991	Kiến trúc nghệ thuật
	- Chùa Bảo Đông			
	- Lăng mộ Trần Đình Ân			
56	Địa điểm vụ thảm sát làng Tân Minh	Xã Cửa Việt	65-QĐ/BT ngày 16/01/1995	Lịch sử
57	Đình Nghĩa An và hệ thống giếng Chăm (gồm 06 di tích thành phần)	Phường Đông Hà	2997/VH-QĐ ngày 05/01/1996	Kiến trúc nghệ thuật
	- Đình làng Nghĩa An			
	- Giếng Làng			
	- Giếng xóm Biển			
	- Giếng Chùa			
	- Giếng xóm Đình			
	- Giếng Nghè			
58	Địa điểm Trụ sở CP CMLTCHMNVN	Xã Cam Lộ	154-QĐ ngày 25/01/1991	Lịch sử
59	Căn cứ Tân Sở	Xã Cam Lộ	65-QĐ/BT ngày 16/01/1995	Lịch sử
60	Các địa điểm thuộc Chiến khu Ba Lòng (gồm 06 di tích thành phần)	Xã Ba Lòng	01/1999/QĐ-BVHTT ngày 04/01/1999	Lịch sử
	- Khe Da Vịt			
	- Khe Cây			
	- Khe Cồn Vò			
	- Khe Cau			
	- Khe Su			
	- Khe Làng An			
61	Địa điểm chiến thắng Làng Vây	Xã Lao Bảo	319/QĐ-BVHTTDL ngày 26/01/2011	Lịch sử
62	Ngã ba Cầu Ga và Lô cốt Cầu Ga (gồm 02 di tích thành phần)	Phường Quảng Trị	235/VH-QĐ ngày 12/12/1986	Lịch sử
	- Ngã ba Cầu Ga			
	- Lô cốt Cầu Ga			

63	Chùa Sắc Tứ	Xã Triệu Phong	2009/VH/QĐ ngày 15/11/1991	Kiến trúc nghệ thuật
64	Các địa điểm liên quan đến dinh chúa Nguyễn (1558 - 1626) (gồm 10 di tích thành phần)		2328/QĐ-BVHTTDL ngày 20/6/2018	Lịch sử - Khảo cổ
	- Địa điểm dinh Ái Tử	Xã Ái Tử		
	- Địa điểm dinh Trà Bát			
	- Địa điểm Dinh Cát			
	- Địa điểm Cồn Tập			
	- Địa điểm Mô súng			
	- Địa điểm Tàu tượng			
	- Địa điểm Bãi trận			
	- Địa điểm Ghềnh phủ			
	- Chợ Hôm			
	- Miếu Trảo Trảo Phu Nhân	Xã Triệu Phong		
65	Địa điểm xảy ra cuộc thảm sát Mỹ Thủy 1948	Xã Mỹ Thuỷ	38/2001/QĐ-BVHTT ngày 12/7/2001	Lịch sử
66	Đình Câu Nhi (gồm 02 di tích thành phần)	Xã Nam Hải Lăng	08/2001/QĐ-BVHTT ngày	Lịch sử
	- Đình làng Câu Nhi			
	- Chùa Quan Khố			
67	Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn	Xã Triệu Phong	QĐ số 3810/QĐ - BVHTTDL ngày 29/10/2010	Lịch sử
68	Nhà tù Lao Bảo	Xã Lao Bảo	QĐ số 154-QĐ, ngày 25/1/1991	Lịch sử
69	Đền Song Trung và mộ Hoàng Vĩnh Tộ, Hoàng Vĩnh Dụ (gồm 02 di tích thành phần)	Xã Tân Gianh	3233/QĐ-BVHTTDLngày 09/9/2025	Lịch sử
	- Đền Song Trung *- Mộ Hoàng Vĩnh Tộ, Hoàng Vĩnh Dụ*			
70	Bến phà II Long Đại -Nơi hy sinh của 16 TNXP (tháng 9 năm 1972)	Xã Trường Ninh	3232/QĐ-BVHTTDLngày 09/9/2025	Lịch sử
71	Lăng mộ và Nhà thờ Hoàng Kế Viêm	Xã Quảng Ninh	396/QĐ-BVHTTDL ngày 24/02/2023	Lịch sử
	Tổng: 71 di tích với 133 di tích thành phần			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ** Số: /2026/NQ-HĐND **[DỰ THẢO]**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quảng Trị, ngày tháng năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 – 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg của Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2026 của Ban Văn hóa- Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (*sau đây gọi là Chương trình).*

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Uỷ ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026-2030, bảo đảm không vượt quá tổng vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung vào các nội dung cần ưu tiên thực hiện trước nhằm tạo đột phá trong phát triển văn hóa:

a) Các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết trong bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, phát triển con người toàn diện.

b) Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp và một số nhiệm vụ mà nhà nước cần đầu tư để dẫn dắt, định hướng, chi phối, tạo nền tảng để thu hút toàn xã hội tham gia phát triển văn hóa, đặc biệt là các nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa.

c) Các nhiệm vụ về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

d) Hỗ trợ các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) và nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan và phân cấp triệt để cho các cấp chính quyền địa phương.

Điều 3. Tiêu chí phân bổ vốn

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường, đặc khu

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các địa phương theo đối tượng xã

Xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III), đặc khu: Hệ số 6,0

Xã còn lại: Hệ số 4,0

Phường: Hệ số 2,0

b) Tiêu chí, định mức phân bổ theo quy mô dân số.

Các xã, đặc khu có quy mô dân số dưới 10.000 người: Hệ số 0,2

Các xã, phường có quy mô dân số từ 10.000 người đến dưới 20.000 người: Hệ số 0,4

Các xã, phường có quy mô dân số từ 20.000 người đến dưới 30.000 người: Hệ số 0,7

Các xã, phường có quy mô dân số từ 30.000 người trở lên: Hệ số 1,0

c) Tiêu chí, định mức phân bổ theo quy mô diện tích

Các xã, phường, đặc khu có quy mô diện tích dưới 100km²: Hệ số 0,2

Các xã, phường có quy mô diện tích từ 100km² đến dưới 200km²: Hệ số 0,6

Các xã, phường có quy mô diện tích từ 200km² đến dưới 300km²: Hệ số 1,0

Các xã, phường có quy mô diện tích từ 300km² trở lên: Hệ số 2,45

d) Tiêu chí, định mức phân bổ theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Di tích quốc gia đặc biệt: Hệ số 5,0

Di tích quốc gia: Hệ số 2,0

2. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí để tính ra số điểm của từng địa phương và tổng số điểm của các địa phương làm căn cứ để phân bổ vốn, theo các công thức sau:

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã của địa phương thứ i là A_i.

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo quy mô dân số của địa phương thứ i là B_i.

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo quy mô diện tích của địa phương thứ i là C_i.

Điểm của tiêu chí, hệ số phân bổ theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của địa phương thứ i là D_i.

Tổng điểm của địa phương thứ i:

Gọi tổng số điểm của địa phương thứ i gọi là X_i:

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

Tổng số điểm của các địa phương:

Gọi tổng số điểm của n địa phương nhận hỗ trợ là Y:

$$Y = \sum_{i=1}^{n} Xi$$

b) Số vốn định mức cho một điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn ngân sách trung ương của Chương trình hỗ trợ cho ngân sách địa phương.

Gọi Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn của từng địa phương được tính theo công thức:

Gọi Vi là số vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương của địa phương thứ i:

$$V_i = Z \times X_i$$

Điều 4: Định mức phân bổ vốn

1. Tổng số vốn phân bổ cho cấp xã được xác định bằng tổng số vốn còn lại sau khi phân bổ cho cấp tỉnh.

2. Đối với vốn đầu tư:

a) Tập trung đầu tư các dự án, công trình văn hóa, thiết chế văn hóa cấp tỉnh quan trọng, có sức lan tỏa, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của tỉnh; Ưu tiên tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia trên địa bàn tỉnh.

b) Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Trung tâm văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, tổ dân phố); điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em; bảo tồn làng, bản gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số tại cơ sở

3. Đối với vốn sự nghiệp: Hằng năm căn cứ vào hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình, Uỷ ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho các cấp (tỉnh, xã), các ngành trình cấp có thẩm quyền quyết định để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao.

4. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.

Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Hằng năm, ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa ..., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản và TCTHPL -Bộ Tư pháp;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, TH.

CHỦ TỊCH